

Số: 221/QĐ-MNAD

Hải Châu, ngày 28 tháng 09 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế thực hiện công khai theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT
của Trường mầm non Anh Đào
Năm học 2024 - 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON ANH ĐÀO

Căn cứ Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Điều lệ trường Mầm non;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các đơn vị thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Xét đề nghị của Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế công khai trong nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành quyết định kèm theo Quyết định này Quy chế thực hiện công khai của Trường mầm non Anh Đào, năm học 2024-2025.

Điều 2. Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế công khai trong nhà trường, các ông/bà Tổ trưởng Tổ văn phòng và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký/.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 (để thực hiện);
- Lưu: VT, HS t/h TT09.



HIỆU TRƯỞNG
Trần Thị Trà My



QUY CHẾ CÔNG KHAI

theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT của Trường mầm non Anh Đào
Năm học 2024 - 2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số 221/QĐ-MNAD ngày 28 tháng 9 năm 2024 của
Hiệu trưởng Trường mầm non Anh Đào)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

- Quy chế này quy định việc thực hiện công khai của Trường mầm non Anh Đào.
- Quy chế này áp dụng đối với cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên của Trường mầm non Anh Đào.
- Trường hợp có các quy định riêng, quy định cụ thể của từng bộ phận thì áp dụng các quy định riêng, quy định cụ thể của từng bộ phận.

Điều 2. Mục tiêu thực hiện công khai

- Thực hiện công khai cam kết của nhà trường về chất lượng giáo dục và công khai về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện công khai của nhà trường nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện công khai

- Việc thực hiện công khai của được thực hiện đầy đủ các nội dung, hình thức và thời điểm công khai quy định trong Quy chế này.
- Thông tin được công khai tại nhà trường theo Quy chế này được thực hiện chính xác, kịp thời và dễ dàng tiếp cận.

Chương II

THỰC HIỆN CÔNG KHAI CỦA NHÀ TRƯỜNG

Điều 4: Nội dung công khai

1. Thông tin chung của nhà trường

- Tên trường, địa chỉ, loại hình.
- Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu, quá trình hình thành và phát triển.

- Thông tin người đại diện pháp luật, tổ chức bộ máy.
- Các văn bản khác.

2. Thu, chi tài chính

- Tình hình tài chính, thu chi hoạt động của năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

+ Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, học phí và các khoản thu khác từ người học; hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; hoạt động khác);

+ Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên,...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mượn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, phát triển đội ngũ,...); chi hỗ trợ người học (trợ cấp, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); chi khác.

- Các khoản thu, mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo.

- Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn giảm học phí đối với người học.

- Số dư các quỹ theo quy định.

- Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở.

3. Điều kiện đảm bảo chất lượng hoạt động giáo dục mầm non

- Thông tin về đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên (CBQL, GV, NV):

+ Số lượng CBQL, GV, NV theo vị trí việc làm và trình độ đào tạo.

+ Số lượng, tỷ lệ CBQL, GV đạt chuẩn nghề nghiệp.

+ Số lượng, tỷ lệ CBQL, GV, NV hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

- Thông tin về cơ sở vật chất: diện tích khu đất, các khối phòng, thiết bị đồ chơi và điều kiện chăm sóc, giáo dục trẻ.

- Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục.

- Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non.

4. Kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục mầm non

- Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của nhà trường.

- Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ của

năm học trước.

Điều 5. Cách thức và thời gian công khai

1. Cách thức công khai

- Công khai trên cổng thông tin điện tử của nhà trường, bao gồm:
 - + Các nội dung công khai đối với các hoạt động giáo dục do trường thực hiện được quy định tại Chương II của Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT tính đến tháng 6 hằng năm;
 - + Báo cáo thường niên để công khai cho các bên liên quan tổng quan về kết quả hoạt động của trường tính đến ngày 31 tháng 12 hằng năm theo định dạng file PDF với các nội dung tối thiểu theo quy định tại các phụ lục kèm theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT;
 - + Việc bố trí nội dung công khai được quy định tại điểm a, b của Điều này trên cổng thông tin điện tử do trường quyết định, bảo đảm thuận lợi cho việc truy cập, tiếp cận thông tin.
- Phổ biến hoặc phát tài liệu về nội dung công khai vào đầu năm học mới:
 - + Trường thực hiện chương trình giáo dục mầm non thực hiện phổ biến các nội dung công khai tại cuộc họp cha mẹ trẻ em hoặc phát tài liệu về nội dung công khai cho cha mẹ trẻ em vào tháng đầu tiên của năm học mới.
- Các hình thức công khai khác theo quy định của pháp luật.

2. Thời gian công khai

- Công khai vào thời điểm trước ngày 30 tháng 6 hằng năm và cập nhật đầu năm học hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan.
- Công báo báo cáo thường niên của năm trước liền kề theo quy định tại điểm b, khoản 1 và điểm b, khoản 2, Điều 14 của Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT trước ngày 30 tháng 6 hằng năm. Đối với số liệu liên quan đến báo cáo tài chính năm trước thì cập nhật tính đến hết thời gian quyết toán của cơ quan có thẩm quyền.
- Thời gian công khai trên cổng thông tin điện tử tối thiểu là 05 năm kể từ ngày công bố công khai.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Trách nhiệm của Hiệu trưởng

1. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai quy định tại Quy chế này. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.
2. Báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai của năm học trước và kế hoạch triển khai quy chế công khai của năm học sắp tới cho Phòng Giáo dục và Đào tạo.

3. Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện công khai của nhà trường.

Chương IV TRÁCH NHIỆM THI HÀNH

Điều 7. Hiệu trưởng có trách nhiệm phổ biến Quy chế công khai này đến cán bộ quản lý, viên chức, nhân viên trong Trường mầm non Anh Đào để thực hiện.

Điều 8. Quy chế này có 4 Chương 8 Điều; Phó hiệu trưởng, Chủ tịch công đoàn, Bí thư chi đoàn, các tổ trưởng chuyên môn, tổ trưởng tổ Văn phòng có trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế và báo cáo định kỳ hoặc đột xuất tình hình- thực hiện Quy chế công khai của trường cho Hiệu trưởng./.

UBND QUẬN HẢI CHÂU
TRƯỜNG MẦM NON ANH ĐÀO

THÔNG BÁO
Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế
năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	510	2	7	55	140	126	180
1	Số trẻ em nhóm ghép							
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày							
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	510	2	7	55	140	125	180
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập						1	
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	510	2	7	55	140	126	180
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	510	2	7	55	140	126	180
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	245		40	25	50	60	510
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em	510	2	7	55	140	126	180
1	Số trẻ cân nặng bình thường	495						
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	13			2	6	3	2
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	495						
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	3				2		1
5	Số trẻ thừa cân béo phì	48				7	7	34
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	510	2	7	55	140	126	180
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	64	2	7	55			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	446				140	126	180

Hải Châu, ngày 28 tháng 9 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Trà My

UBND QUẬN HẢI CHÂU
TRƯỜNG MẦM NON ANH ĐÀO

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non
Năm học 2024 - 2025

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ đạt được	Giúp trẻ phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm- xã hội và thẩm mỹ. Đảm bảo môi trường học tập an toàn, sạch sẽ và thân thiện cho trẻ, đảm bảo trẻ được nghỉ ngơi và vận động hợp lý. Tạo điều kiện để trẻ phát triển các kỹ năng giao tiếp, tương tác xã hội thông qua các hoạt động vui chơi. Tăng cường các hoạt động phát triển ngôn ngữ, kích thích tò mò và ham học hỏi thông qua các hoạt động khám phá môi trường xung quanh.	Giúp trẻ phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm - kỹ năng xã hội và thẩm mỹ, chuẩn bị cho trẻ vào học ở tiểu học. Nâng cao kỹ năng tiếp theo, xử lý các nhóm hoạt động và các buổi sinh hoạt tập thể. Khuyến khích trẻ phát triển sự tự tin, tự thiết lập các hoạt động tự động và các công việc phù hợp. Tăng cường các hoạt động giáo dục đạo đức, rèn luyện kỹ năng sống và trách nhiệm xã hội thông qua các câu chuyện, hoạt động thực tế và giao tiếp với bạn bè
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	Chương trình giáo dục mầm non (Dành cho cán bộ quản lý và giáo viên mầm non) (Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo, đã được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo.)	Chương trình giáo dục mầm non (Dành cho cán bộ quản lý và giáo viên mầm non) (Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo, đã được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo.)
III	Kết quả	PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT

đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển

- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
- Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ.
- Thực hiện được vận động cơ bản theo độ tuổi.
- Có một số tố chất vận động ban đầu (nhANH NHẸN, KHÉO LÉO, THĂNG BẰNG CƠ THỂ).
- Có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay.
- Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân.

PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC

- Thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh.
- Có sự nhạy cảm của các giác quan.
- Có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản.
- Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật, hiện tượng gần gũi quen thuộc.

PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ

- Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói.

- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
- Có một số tố chất vận động: nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ.
- Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế.
- Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian.
- Có kĩ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay.
- Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe.
- Có một số thói quen, kĩ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân.

PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC

- Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh.
- Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định.
- Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau.
- Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu.
- Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.

PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ

- Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng

		<ul style="list-style-type: none"> - Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ. - Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu. - Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói. - Hồn nhiên trong giao tiếp. <p style="text-align: center;">PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM, KỸ NĂNG XÃ HỘI VÀ THẨM MĨ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi. - Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi. - Thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt. - Thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc; thích vẽ, xé dán, xếp hình; thích nghe đọc thơ, kể chuyện.. 	<p>ngày.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...). - Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hàng ngày. - Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện. - Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi. - Có một số kỹ năng ban đầu về việc đọc và viết. <p style="text-align: center;">PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có ý thức về bản thân. - Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh. - Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực. - Có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ. - Thực hiện một số qui tắc, qui định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi. <p style="text-align: center;">PHÁT TRIỂN THẨM MĨ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật. - Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình. - Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật; có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp.
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm	Hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ bao gồm: chăm sóc dinh dưỡng; chăm sóc	- Hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ bao gồm: ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân; chăm sóc sức

	<p>sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non</p>	<p>giấc ngủ; chăm sóc vệ sinh; chăm sóc sức khỏe và đảm bảo an toàn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động giáo dục trẻ bao gồm: hoạt động giao lưu cảm xúc, hoạt động với đồ vật, hoạt động chơi, hoạt động chơi – tập có chủ đích, hoạt động ngày hội, ngày lễ. - Hoạt động tuyên truyền, phối hợp với cha mẹ trẻ trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ. 	<p>khỏe và đảm bảo an toàn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động giáo dục trẻ bao gồm: hoạt động chơi; hoạt động học; hoạt động lao động; hoạt động ngày hội, ngày lễ. - Hoạt động tuyên truyền, phối hợp với cha mẹ trẻ trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.
--	---	---	---

Hải Châu, ngày 28 tháng 9 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Trà My

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non,
năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	32	2,2 m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	17	2,2m ²
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
III	Số điểm trường	02	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	Cơ sở 1: 3.350m ² Cơ sở 2: 704m ²	-
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	1.660m ²	
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	80 m ²	
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	940 m ²	
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	230 m ²	
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	690 m ²	
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	130 m ²	
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	140 m ²	
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	230 m ²	

VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	17	1 bộ/ 1 nhóm lớp
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	17	1 bộ/ 1 nhóm lớp
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	20	-
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	15 máy tính, 1 máy chiếu, 2 dàn âm thanh ngoài trời	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/nhóm (lớp)
	Ti vi	17	17 nhóm lớp, 2 cs
	Máy chiếu	1	Phòng Hội trường
	Máy in	5	BGH; KT, VT
	Màn hình cảm ứng	3	3 lớp MG lớn
	Máy Scan	1	VT
	Dàn âm thanh	2	2 cơ sở

		Số lượng(m ²)				
XI	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	18.5	93.5		0.4	
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0		0	

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XIV	Kết nối internet	X	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	X	
XVI	Tường rào xây	X	

Hải Châu, ngày 28 tháng 09 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị



Trần Thị Trà My

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU
TRƯỜNG MẦM NON ANH ĐÀO

BÁO CÁO

**Công khai tình hình đội ngũ cán bộ, giáo viên nhân viên
Năm học 2024-2025**

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp		Chuẩn nghề nghiệp			
			THS	DH	CD	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Đạt	CD
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	57	0	39	4	4	10	8	25	28	10	0	0
I	Giáo viên	37	0	34	3	0	0	8	22	25	10	0	0
1	Nhà trẻ	8	0	6	2	0	0	3	4	4	2	0	0
2	Mẫu giáo	29	0	28	1	0	0	5	18	21	8	0	0
II	Cán bộ quản lý	3	0	3	0	0	0	0	3	3	0	0	0
1	Hiệu trưởng	1	0	1	0	0	0	0	1	1	0	0	0
2	Phó hiệu trưởng	2	0	2	0	0	0	0	2	2	0	0	0
III	Nhân viên	17	0	2	1	4	10	0	0	0	0	0	0
1	Nhân viên văn thư	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0
2	Nhân viên kế toán	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Thủ quỹ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Nhân viên y tế	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0
5	Nhân viên cấp dưỡng	10	0	1	1	1	7	0	0	0	0	0	0
6	Nhân viên bảo vệ	3	0	0	0	1	2	0	0	0	0	0	0
7	Nhân viên tạp vụ	1	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0

Hải Châu, ngày 28 tháng 9 năm 2024


HIỆU TRƯỞNG
[Signature]
Trần Thị Trà My